

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS - ST.
Ngày: 28 - 02 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Biện Công Năng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Dân.
2. Ông Trần Văn Đá.

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 162/2018/TLST- DS ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu V (Thiếu H), sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp Giồng C, thị trấn Hưng L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Ông Kim Điền P, sinh năm 1993; Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Việt Út, ấp C, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng. Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1/ Ông Tô Tấn K (X), sinh năm 1987 (Có mặt).

2.2/ Bà Lâm Kim T, sinh năm 1997. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Giồng C, thị trấn Hưng L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 30/11/2018 (bút lục số 01) và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là ông Kim Điền P trình bày:

Ngày 16/5/2018, bà Nguyễn Thị Thu V có cho vợ chồng ông Tô Tấn K (X) và bà Lâm Kim T vay số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), không tính lãi suất, mục đích vay để tiêu dùng trong gia đình và thời hạn vay là khi nào cần thiết sẽ lấy lại, việc vay tiền có làm biên nhận. Tuy nhiên khi bà V có nhu cầu lấy lại tiền thì ông K và bà T không có khả năng trả đủ số tiền nợ, xin được trả dần và ông K, bà T cũng đã trả cho bà V được 03 lần tiền vốn là 15.000.000 đồng, mỗi lần trả 5.000.000 đồng từ ngày 03/10/2018 đến 03/12/2018. Tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V yêu cầu ông Tô Tấn K phải trả cho bà số tiền vốn 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) và lãi suất bằng mức 0.83%/tháng tính từ ngày 16/5/2018 đến 16/10/2018 là 05 tháng, với số vốn 60.000.000 đồng = 2.490.000 đồng và từ ngày 16/10/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 28/02/2019 là 04 tháng 12 ngày, với số tiền vốn là 45.000.000 đồng = 1.643.400 đồng, cụ thể nợ lãi phải trả là: 4.133.400 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi ông K phải trả là 49.133.400 đồng (Bốn mươi chín triệu, một trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm đồng), xin rút lại yêu cầu đối với bị đơn bà Lâm Kim T.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 16/01/2019 (bút lục số 25) và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Tô Tấn K trình bày:

Ông K có vay của bà Nguyễn Thị Thu V số tiền 60.000.000 đồng, trong 03 lần vay nhưng không nhớ rõ thời gian cụ thể của từng lần, với mức lãi suất 6%/tháng, mục đích ông vay tiền để chi tiêu cho việc ăn chơi, cờ bạc nên vợ ông tên Lâm Kim T hoàn toàn không biết việc ông vay tiền của bà V, biên nhận bà V cung cấp cho Tòa án đúng là chữ ký và chữ viết ghi họ tên của ông. Sau khi vay ông có đóng lãi hàng tháng cho bà V nhưng không có giấy tờ gì để chứng minh, thời gian gần đây do ông không có khả năng nên ngưng đóng, bà V có đến nhà đòi thì gặp cha mẹ ruột của ông K là ông Tô Văn Đ và bà Lâm Thị C thỏa thuận mỗi tháng trả số tiền 5.000.000 đồng và có trả được 15.000.000 đồng, có làm biên nhận.

Tại phiên tòa, ông K đồng ý tự mình có trách nhiệm trả cho bà V số tiền vốn và lãi là 49.133.400 đồng (Bốn mươi chín triệu, một trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm đồng. Trong đó, tiền vốn là 45.000.000 đồng, tiền lãi là 4.133.400 đồng) nhưng yêu cầu được trả dần với hình thức mỗi tháng trả số tiền 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ do ông không có khả năng trả đủ một lần.

Theo biên bản ghi lời khai bà biên bản hòa giải ngày 16/01/2019 (bút lục số 26,27,28) bị đơn bà Lâm Kim T trình bày:

Bà T là vợ của ông Tô Tấn K và hiện vợ chồng bà vẫn đang chung sống với nhau,

việc ông K vay tiền của bà V và để sử dụng vào mục đích gì bà đều không biết, bà chỉ mới biết sự việc khi Tòa án gửi thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà V, bà T không đồng ý cùng ông K có trách nhiệm trả nợ cho bà V do bà không trực tiếp thỏa thuận vay tiền, cũng không sử dụng số tiền ông K đã vay của bà V.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu việc kiểm sát và quan điểm giải quyết như sau:

- Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ; Về việc tuân thủ pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận của bị đơn ông Tô Tấn K trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đã có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn ông Tô Tấn K (X) trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V số tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng và ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận lãi suất tại phiên tòa giữa nguyên đơn với bị đơn là 4.133.400 đồng, tổng cộng vốn và lãi ông K phải trả là 49.133.400 đồng (*Bốn mươi chín triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm đồng*). Đình chỉ yêu cầu đối với bị đơn bà Lâm Kim T do nguyên đơn tự nguyện rút lại; Về án phí buộc bị đơn ông Tô Tấn K phải chịu theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Tô Tấn K (X) và bà Lâm Kim T có nghĩa vụ liên đới trả vốn vay và lãi suất. Tòa án đã thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 16/5/2018, bà Nguyễn Thị Thu V có cho vợ chồng ông Tô Tấn K (X) và bà Lâm Kim T vay số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*), không tính lãi suất, mục đích vay để tiêu dùng trong gia đình và thời hạn vay là khi nào cần thiết sẽ lấy lại, việc vay tiền có làm biên nhận. Tuy nhiên khi bà V có nhu cầu lấy lại tiền thì ông K và bà T không có khả năng trả đủ số tiền nợ, xin được trả dần và ông K, bà T cũng đã trả cho bà V được 03 lần tiền vốn là 15.000.000 đồng, mỗi lần trả 5.000.000 đồng từ ngày 03/10/2018 đến 03/12/2018 thì không trả nữa nên bà V yêu cầu ông K và bà T phải trả đủ một lần cho bà số tiền vốn gốc và lãi suất tính từ ngày 16/5/2018 đến ngày 28/02/2019 là 49.133.400 đồng.

Bị đơn ông Tô Tấn K (X) thừa nhận có vay của bà V số tiền trên với lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, có đóng lãi đầy đủ hàng tháng và đã trả được cho bà V 03 lần nợ gốc

là 15.000.000 đồng (mỗi lần trả 5.000.000 đồng), ông K đồng ý trả nợ gốc và nợ lãi theo yêu cầu của bà V nhưng xin được trả dần với hình thức mỗi tháng trả 5.000.000 đồng do ông không có khả năng; Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định việc Vân cho ông K vay tiền là sự thật không cần phải chứng minh.

[3] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lâm Kim T cho rằng việc vay tiền của Vân đều do chồng bà là ông Tô Tấn K trực tiếp thỏa thuận vay và nhận tiền, bà T không hay biết. Ông Tô Tấn K cũng thừa nhận số tiền ông vay của bà V đều sử dụng vào việc ăn chơi, cờ bạc, ông K đồng ý tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà V nên xác định bà Lâm Kim T không phải chịu trách nhiệm trả nợ cùng ông K. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin được rút lại yêu cầu đối với bà Lâm Kim T, việc rút lại yêu cầu do nguyên đơn tự nguyện, không ai ép buộc nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất cho vay: Theo tờ giấy biên nhận nợ không ghi mức lãi suất thỏa thuận, trong đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày vay không có lãi suất, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất bằng mức 0,83% so với số vốn đã nợ; bị đơn ông Tô Tấn K trình bày lãi suất thỏa thuận khi vay là 6%/tháng, ông có đóng lãi đầy đủ hàng tháng nhưng ông không chứng minh do đó lời trình bày của ông là không có cơ sở để xem xét, tại phiên tòa ông đồng ý trả vốn và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là ý chí tự nguyện và theo quy định pháp luật thì mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu không vượt mức lãi suất pháp luật qui định nên Hội đồng xét xử cần thiết ghi nhận mức lãi suất hai bên đã thống nhất tại phiên tòa.

Về thời gian trả nợ nguyên đơn yêu cầu trả đủ một lần, bị đơn xin trả dần, các bên không thỏa thuận được đến giai đoạn thi hành án sẽ do cơ quan thi hành án dân sự xem xét theo đúng quy định pháp luật.

[5] Từ những phân tích nêu trên có đủ căn cứ để xác định yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ vào các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, căn cứ vào đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm Sát tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa cũng như những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V, buộc bị đơn ông Tô Tấn K có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) và lãi suất bằng mức 0.83%/tháng tính từ ngày 16/5/2018 đến 16/10/2018 là 05 tháng, với số vốn 60.000.000 đồng = 2.490.000 đồng và từ ngày 16/10/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 28/02/2019 là 04 tháng 12 ngày, với số tiền vốn là 45.000.000 đồng = 1.643.400 đồng, tổng cộng nợ lãi phải trả là: 4.133.400 đồng. Tổng nợ gốc và lãi ông K phải trả là 49.133.400 đồng (*Bốn mươi chín*

triệu, một trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm đồng). Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà Lâm Kim T.

[6] Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Do bị đơn ông Tô Tấn K có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu 5% án phí trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn $49.133.400 \text{ đồng} \times 5\% = 2.456.670 \text{ đồng}$ (*Hai triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy chục đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35, Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463; 466; Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2, Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V.

Buộc bị đơn ông Tô Tấn K có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V số tiền vốn gốc là: 45.000. 000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*).

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về số tiền lãi mà ông K phải trả cho bà V là: 4.133.400 đồng (*Bốn triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm đồng*).

Tổng số tiền ông K phải trả cho bà V vốn gốc và lãi là: 49.133.400 đồng (*Bốn mươi chín triệu, một trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm đồng*).

Đình chỉ yêu cầu đối với bị đơn bà Lâm Kim T.

Kể từ ngày án có hiệu lực, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án dân sự đối với người phải thi hành án nếu chưa trả được số tiền phải thi hành án thì phải chịu lãi suất theo quy định tại các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Tô Tấn K phải chịu là: 2.456.670 đồng (*Hai triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy chục đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.562.250 đồng (*một triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm năm chục đồng*) theo lai thu số 0003403 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh T.

Án dân sự sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

(đã ký)

Biện công Năng

Bị đơn bà Lâm Kim T không có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Vân.

Kể từ ngày án có hiệu lực, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án dân sự đối với người phải thi hành án nếu chưa trả được số tiền phải thi hành án thì phải chịu lãi suất theo quy định tại các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 2.733.230 đồng (hai triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm ba chục đồng).

Buộc ông Tô Tấn K (X) phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là: 2.733.230 đồng (hai triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm ba chục đồng). Bà Lâm Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.562.250 đồng (*một triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm năm chục đồng*) theo lai thu số 0003403 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị.

Án dân sự sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.....

.....

Biện công Năng

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ ... phút, ngày 27 tháng 02 năm 2019.

Tại: Trụ sở tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Biện công Năng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Dân.

2. Ông Trần Văn Đá.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 162/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2018; về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu V (Thiếu H), sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp Giồng C, thị trấn Hưng L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Ông Kim Điền P, sinh năm 1993; Địa chỉ: Văn phòng Luật sư Việt Út, ấp C, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng. Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1/ Ông Tô Tấn K (X), sinh năm 1987 (Có mặt).

2.2/ Bà Lâm Kim T, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Giồng C, thị trấn Hưng L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 ý kiến:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35, Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463; 466; Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2, Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V.

Buộc bị đơn ông Tô Tấn K có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V số tiền vốn gốc là: 45.000. 000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*).

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về số tiền lãi mà ông K phải trả cho bà V là: 4.133.400 đồng (*Bốn triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm đồng*).

Tổng số tiền ông K phải trả cho bà V vốn gốc và lãi là: 49.133.400 đồng (*Bốn mươi chín triệu, một trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm đồng*).

Đình chỉ yêu cầu đối với bị đơn bà Lâm Kim T.

Kể từ ngày án có hiệu lực, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án dân sự đối với người phải thi hành án nếu chưa trả được số tiền phải thi hành án thì phải chịu lãi suất theo quy định tại các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Tô Tấn K phải chịu là: 2.456.670 đồng (*Hai triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy chục đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.562.250 đồng (*một triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm năm chục đồng*) theo lai thu số 0003403 ngày 14//12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị.

Án dân sự sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Biên bản nghị án kết thúc vào lúc ... giờ ... phút, cùng ngày, đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.....

Biện công Năng